

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025;

UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 Quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 làm căn cứ để các ngành, địa phương cân đối vốn triển khai thực hiện Chương trình.

Đến nay, qua quá trình triển khai thực hiện, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 nói trên với những nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (sau đây gọi tắt là Chương trình) là một trong ba chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Ngày 28/7/2021, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 25/2021/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình. Ngày 22/02/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 263/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; trong đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình và giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể. Trên địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy Khánh Hòa cũng đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 11/01/2021, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Năm 2021, thực hiện chỉ đạo của Quốc hội, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh tại các Nghị quyết nêu trên, Chương trình tiếp tục áp dụng các cơ chế, chính sách của giai đoạn 2016-2020. Giai đoạn 2022-2025, tỉnh Khánh Hòa triển khai thực hiện hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình theo tỷ lệ

vốn đối ứng quy định tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, ngân sách nhiều địa phương không đủ khả năng đảm bảo vốn đối ứng theo tỷ lệ tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND nói trên để thực hiện các công trình trường học do cấp huyện quản lý; đồng thời, giai đoạn 2024-2025, tỉnh Khánh Hòa có mục tiêu các huyện Vạn Ninh, Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới nên cần khẩn trương đầu tư đạt các yêu cầu theo bộ tiêu chí cấp huyện, trong đó có tỷ lệ trường trung học phổ thông đạt chuẩn. Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 là cần thiết để hỗ trợ địa phương kịp thời triển khai Chương trình.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Bổ sung, điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm chủ động đầu tư thực hiện đạt chuẩn cơ sở vật chất trường học các cấp theo tiêu chuẩn tại các Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2022-2025; tăng mức hỗ trợ vốn ngân sách cấp tỉnh để hỗ trợ địa phương đầu tư đạt chuẩn, góp phần thực hiện mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025 ban hành tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Khẩn trương tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết theo hướng tăng cường hỗ trợ cho địa phương, tập trung thực hiện các mục tiêu Chương trình. Các nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung phải bám sát các bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 và các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

- 1. Phạm vi điều chỉnh:** Trên địa bàn toàn tỉnh.
- 2. Đối tượng thụ hưởng:** Người dân, cộng đồng dân cư trên địa bàn.
- 3. Đối tượng thực hiện:** Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- 4. Thời gian thực hiện:** Đến hết năm 2025

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Mục tiêu

Tăng cường hỗ trợ vốn ngân sách cấp tỉnh nhằm hạn chế áp lực cho ngân sách địa phương trong đầu tư xây dựng nông thôn mới; bổ sung nội dung thực hiện Chương trình nhằm chủ động đầu tư đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của các bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2022-2025.

2. Nội dung

a) Điều chỉnh mức hỗ trợ đầu tư Trường học cấp huyện quản lý: Mức hỗ trợ vốn ngân sách cấp tỉnh từ 30% nâng lên 70% (*riêng trường học ở huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh tiếp tục áp dụng mức hỗ trợ ngân sách cấp tỉnh là 100%*)

UBND các huyện, thị xã, thành phố đã rà soát lại danh mục đầu tư các công trình trường học do cấp huyện quản lý; báo cáo nhu cầu bổ sung và sự thay đổi nguồn vốn đối với các công trình đã được phê duyệt chủ trương đầu tư theo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (*theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023, Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh*).

Qua rà soát, nhu cầu đầu tư các công trình trường học do cấp huyện quản lý thực hiện Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2024-2025 là 219.815 triệu đồng thực hiện 56 công trình. Theo tỷ lệ tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND, vốn ngân sách cấp huyện cần đối ứng là 151.421 triệu đồng, vốn ngân sách cấp tỉnh là 68.394 triệu đồng. Nguồn kinh phí rất lớn tạo áp lực đối ứng vốn lên địa phương nên khó có thể triển khai thực hiện, đặc biệt trong điều kiện nhiều địa phương bị hụt thu năm 2023, không đủ nguồn lực thực hiện các công trình trọng điểm khác trên địa bàn. Vì tính cần thiết trong đầu tư trường học để đảm bảo công tác giáo dục trên địa bàn và đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới, việc điều chỉnh tỷ lệ đối ứng vốn là cần thiết. Sau khi điều chỉnh, phần ngân sách cấp huyện cần đối ứng giảm 86.526 triệu đồng (*từ 151.421 triệu đồng xuống còn 64.895 triệu đồng*), phần ngân sách cấp tỉnh tăng lên 89.026 triệu đồng (*bao gồm tăng 86.526 triệu đồng đối ứng bổ sung cho cấp huyện và tăng 2.500 triệu đồng do tăng mức đầu tư cho 01 trường mầm non Hoa Phượng xã Ba Cùm Nam huyện Khánh Sơn*)

(*đính kèm phụ lục 01*)

b) Bổ sung nội dung hỗ trợ đầu tư Trường học cấp tỉnh quản lý (100% vốn NS cấp tỉnh)

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; tỉnh Khánh Hòa có mục tiêu các huyện Vạn Ninh, Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Để đạt chuẩn nông thôn mới cấp huyện cần đầu tư đồng bộ hạ tầng, trong đó có nội dung về Trường học cấp tỉnh quản lý. Vì vậy, để đảm bảo tiến độ đầu tư đạt chuẩn, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, cho phép lồng ghép nội dung đầu tư Trường học cấp tỉnh quản lý (*100% vốn NS cấp tỉnh*) theo quy định tại khoản d Điều 2 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 của HĐND tỉnh về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư các cấp ngân sách; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

Hiện tại, qua rà soát, nhu cầu vốn đầu tư trường Trung học phổ thông là 121.000 triệu đồng vốn NS cấp tỉnh thực hiện 05 công trình trên địa bàn huyện Vạn Ninh, Cam Lâm.

(*đính kèm phụ lục 02*)

3. Giải pháp thực hiện

Sau khi HĐND tỉnh xem xét, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, cân đối, đảm bảo nguồn lực ngân sách cấp tỉnh để đẩy nhanh tiến độ hỗ trợ đầu tư Chương trình nông thôn mới, góp phần thực hiện đạt mục tiêu giai đoạn 2021-2025.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Nhu cầu vốn thực hiện điều chỉnh

Qua rà soát, sau điều chỉnh, tổng mức đầu tư tăng lên 123.500 triệu đồng; trong đó, vốn NS cấp tỉnh tăng 210.026 triệu đồng, vốn NS cấp huyện giảm 86.526 triệu đồng.

2. Điều kiện đảm bảo việc thi hành Nghị quyết

Căn cứ các quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh sau khi thông qua, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu trình điều chỉnh các Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tính kịp thời, đồng bộ.

Trên cơ sở điều kiện vốn ngân sách và mục tiêu, lộ trình hằng năm, UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành kiểm tra, rà soát, cân đối kinh phí, vốn đầu tư phù hợp để hỗ trợ địa phương thực hiện mục tiêu Chương trình.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Kỳ họp thứ 14, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(đính kèm Dự thảo Nghị quyết)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: KH&ĐT, NN&PTNT, TC;
- Lưu: VP, VL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hòa nam

DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRƯỜNG HỌC DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2024-2025
(kèm theo Tờ trình số **679H/Tr-UBND** ngày **24 tháng 6** năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Sr | Tên công trình | Năm thực hiện | TMĐT | NS cấp tỉnh | NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác | Hình thức đầu tư | Quy hoạch áp dụng | Quy mô đầu tư | Ghi chú |
|-----------|------------------------------|---------------|----------------|----------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| | TỔNG CỘNG | | 121,000 | 121,000 | | | | | |
| I | HUYỆN VẠN NINH | | 80,800 | 80,800 | | | | | |
| 1 | Đầu tư cấp huyện | | 80,800 | 80,800 | | | | | |
| | Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng | 2024-2025 | 31,600 | 31,600 | | Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo | | - Cơ sở 1: Nâng cấp, cải tạo khối lớp học; nâng cấp, cải tạo khối hành chính; nâng cấp, cải tạo khối phòng bộ môn; nâng cấp, cải tạo khối nhà đa năng; cải tạo, sửa chữa công + tường rào; nâng cấp, cải tạo sân bê tông; bổ sung hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ khác... - Cơ sở 2: Công tường rào, nhà xe, nhà bảo vệ, sân bê tông, sân TDTT, ... | |
| | Trường THPT Lê Hồng Phong | 2024-2025 | 20,400 | 20,400 | | Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo | | Nâng cấp, cải tạo khối lớp học; nâng cấp, cải tạo khối hành chính; nâng cấp, cải tạo khối phòng bộ môn; nâng cấp, cải tạo khối nhà đa năng; bổ sung, nâng cấp cải tạo nhà vệ sinh; cải tạo, sửa chữa nhà xe; cải tạo, sửa chữa công + tường rào; nâng cấp, cải tạo sân bê tông; bổ sung hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ khác... | |
| | Trường THPT Tô Văn Ôn | 2024-2025 | 28,800 | 28,800 | | Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo | | Nâng cấp, cải tạo khối lớp học; nâng cấp, xây mới khối nhà hành chính; nâng cấp, xây mới khối phòng bộ môn; nâng cấp, cải tạo khối nhà đa năng; bổ sung, nâng cấp cải tạo nhà vệ sinh; nâng cấp, cải tạo công + tường rào; bổ sung, nâng cấp, cải tạo sân bê tông; Bổ sung hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ khác... | |
| II | HUYỆN CAM LÂM | | 40,200 | 40,200 | | | | | |
| 1 | Đầu tư cấp huyện | | 40,200 | 40,200 | | | | | |
| | Trường THPT Đoàn Thị Điểm | 2024-2025 | 25,300 | 25,300 | | Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo | | Nâng cấp, cải tạo khối phòng phụ trợ (1 tầng); Cải tạo, sửa chữa Khối nhà hành chính (2 tầng); Cải tạo, sửa chữa Khối phòng đa chức năng (1 tầng); Cải tạo, sửa chữa tường rào; Xây dựng mới 09 phòng bộ môn (3 tầng); Xây dựng mới Khối Thư viện + phòng tổ chuyên môn (2 tầng); Xây dựng mới Khối nhà đa năng; Bổ sung sân BT + đường nội bộ; Bổ sung bể nước ngầm + hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ khác... | |
| | Trường THPT Nguyễn Huệ | 2024-2025 | 14,900 | 14,900 | | Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo | | Cải tạo, sửa chữa các khối phòng học (2 tầng); Xây mới khối phòng học bộ môn + Nhà hành chính + Thư viện + Hội trường (3 tầng); Bổ sung hệ thống PCCC; Bổ sung nền sân và các hạng mục phụ trợ khác.... | |

DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH TRƯỜNG HỌC ĐO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NHIỆM VỤ GIÁO DỤC 2024-2025 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH NGHỊ QUYẾT

Hình thức Tư trình số TT-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh

Table with columns: Tên công trình, Năm thực hiện, TMDT, NS cấp tỉnh, NS cấp huyện, và các nguồn vốn hợp pháp khác, Hình thức đầu tư, Quy mô đầu tư, Điều chỉnh tăng/giảm vốn (TMDT, NS cấp tỉnh, NS cấp huyện, và các nguồn vốn hợp pháp khác), Hình thức đầu tư, Quy mô đầu tư, Tên công trình, Năm thực hiện, TMDT, NS cấp tỉnh, NS cấp huyện, và các nguồn vốn hợp pháp khác, Hình thức đầu tư, Quy mô đầu tư, Ghi chú.



| STT | Tên công trình | Năm thực hiện | TMĐT | NS cấp tỉnh | hạng, số và các nguồn vốn hợp pháp khác | Hình thức đầu tư | Quy mô đầu tư | Đầu tư chính trong năm | | Hình thức đầu tư | Quy mô đầu tư | Tên công trình | Năm thực hiện | TMĐT | NS cấp tỉnh | NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác | Hình thức đầu tư | Quy mô đầu tư | Ghi chú | |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-------------|-----------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------|------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------|-------------|--------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--|
| | | | | | | | | TMĐT | NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác | | | | | | | | | | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Đình (Hạng mục: Phòng học, phòng thí nghiệm) | 2025 | 3.236 | 968 | 2.268 | Xây dựng mới | - Xây dựng 02 phòng học. - Xây dựng 02 phòng học hi môn: 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng tin học. | 1.290 | -1.290 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Đình (Hạng mục: Phòng học, phòng thí nghiệm) | 2025 | 3.236 | 2.258 | 968 | Xây dựng mới | - Xây dựng 02 phòng học. - Xây dựng 02 phòng học hi môn: 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng tin học. | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Đình (Hạng mục: Phòng đa chức năng, công trình phụ trợ) | 2025 | 2.660 | 798 | 1.862 | Xây dựng mới | - Xây dựng 01 phòng đa chức năng. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. | 1.064 | -1.064 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Đình (Hạng mục: Phòng đa chức năng, công trình phụ trợ) | 2025 | 2.660 | 1.862 | 798 | Xây dựng mới | - Xây dựng 01 phòng đa chức năng. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. | | |
| | Xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải (Hạng mục: Phòng học hi môn, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 4.902 | 1.471 | 3.431 | Xây dựng mới | - Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Khoa học tự nhiên, 01 phòng Khoa học xã hội. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 1.961 | -1.961 | | | Xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải (Hạng mục: Phòng học hi môn, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 4.902 | 3.431 | 1.471 | Xây dựng mới | - Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Khoa học tự nhiên, 01 phòng Khoa học xã hội. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| 9 | Nhà Nhì Lát | | 5.211 | 1.563 | 3.648 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Trường học | | 5.211 | 1.563 | 3.648 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Lát (Hạng mục: Phòng học, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.575 | 773 | 1.803 | Xây dựng mới | - Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 1.030 | -1.030 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Lát (Hạng mục: Phòng học, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.575 | 1.803 | 773 | Xây dựng mới | - Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hạng mục: Phòng thiết bị) | 2025 | 470 | 141 | 329 | Xây dựng mới | - Xây dựng 01 phòng học thiết bị. | 188 | -188 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hạng mục: Phòng thiết bị) | 2025 | 470 | 329 | 141 | Xây dựng mới | - Xây dựng 01 phòng học thiết bị. | | |
| | Xây dựng Trường THCS Lê Thánh Tông (Hạng mục: Phòng thiết bị, phòng nghệ thuật, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.166 | 650 | 1.516 | Xây dựng mới | - Xây dựng 01 phòng thiết bị, 01 phòng nghệ thuật. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 866 | -866 | | | Xây dựng Trường THCS Lê Thánh Tông (Hạng mục: Phòng thiết bị, phòng nghệ thuật, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.166 | 1.516 | 650 | Xây dựng mới | - Xây dựng 01 phòng thiết bị, 01 phòng nghệ thuật. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| 10 | Nhà Nhì Tân | | 10.482 | 3.145 | 7.337 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Trường học | | 10.482 | 3.145 | 7.337 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Tân (Hạng mục: Phòng học, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.575 | 773 | 1.803 | Xây dựng mới | - Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 1.030 | -1.030 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Tân (Hạng mục: Phòng học, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.575 | 1.803 | 773 | Xây dựng mới | - Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Tân (Hạng mục: Công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.060 | 618 | 1.442 | Xây dựng mới | - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 824 | -824 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Tân (Hạng mục: Công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.060 | 1.442 | 618 | Xây dựng mới | - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| | Xây dựng Trường THCS Nguyễn Tài Phương (Hạng mục: Khu hành chính quản trị, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 5.847 | 1.754 | 4.093 | Xây dựng mới | - Xây dựng khu hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 2.339 | -2.339 | | | Xây dựng Trường THCS Nguyễn Tài Phương (Hạng mục: Khu hành chính quản trị, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 5.847 | 4.093 | 1.754 | Xây dựng mới | - Xây dựng khu hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| 11 | Nhà Nhì An | | 5.268 | 1.588 | 3.680 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Trường học | | 5.268 | 1.588 | 3.680 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hạng mục: Công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.268 | 680 | 1.588 | Xây dựng mới | - Xây dựng công trình phụ trợ: 03 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 907 | -907 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hạng mục: Công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.268 | 1.588 | 680 | Xây dựng mới | - Xây dựng công trình phụ trợ: 03 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hạng mục: Hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 1.500 | 450 | 1.050 | Xây dựng mới | - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 600 | -600 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hạng mục: Hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 1.500 | 1.050 | 450 | Xây dựng mới | - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| | Xây dựng Trường THCS Phạm Ngộ Lân (Hạng mục: Hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 1.500 | 450 | 1.050 | Xây dựng mới | - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 600 | -600 | | | Xây dựng Trường THCS Phạm Ngộ Lân (Hạng mục: Hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 1.500 | 1.050 | 450 | Xây dựng mới | - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| 12 | Nhà Nhì Văn | | 8.476 | 2.543 | 5.933 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Trường học | | 8.476 | 2.543 | 5.933 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Văn | 2025 | 1.379 | 414 | 965 | Xây dựng mới | - Xây dựng các công trình phụ trợ. | 552 | -552 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Văn | 2025 | 1.379 | 965 | 414 | Xây dựng mới | - Xây dựng các công trình phụ trợ. | | |
| | Xây dựng Trường THPT THCS Ninh Văn | 2025 | 7.097 | 2.129 | 4.968 | Xây dựng mới | - Xây dựng phòng học tại điểm chính và điểm phụ. - Xây dựng khu hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC. | 2.839 | -2.839 | | | Xây dựng Trường THPT THCS Ninh Văn | 2025 | 7.097 | 4.968 | 2.129 | Xây dựng mới | - Xây dựng phòng học tại điểm chính và điểm phụ. - Xây dựng khu hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC. | | |
| 13 | Nhà Nhì Trầm | | 10.575 | 3.173 | 7.403 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Trường học | | 10.575 | 3.173 | 7.403 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Trầm (Hạng mục: Phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 4.815 | 1.445 | 3.371 | Đầu tư mới | - Xây dựng 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 02 kho lợp học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 1.926 | -1.926 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Trầm (Hạng mục: Phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 4.815 | 3.371 | 1.445 | Đầu tư mới | - Xây dựng 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 02 kho lợp học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Trầm (Hạng mục: Phòng Tin học, phòng đa chức năng, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 3.280 | 984 | 2.296 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng đa chức năng. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh giáo viên, sân trường, đường nội bộ, khu xử lý rác thải. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 1.312 | -1.312 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Trầm (Hạng mục: Phòng Tin học, phòng đa chức năng, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 3.280 | 2.296 | 984 | Đầu tư mới | - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh giáo viên, sân trường, đường nội bộ, khu xử lý rác thải. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| | Xây dựng Trường THCS Lê Hồng Phong (Hạng mục: Nhà kho, hệ thống thiết bị PCCC, sân đa chức năng) | 2025 | 2.480 | 744 | 1.736 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 nhà kho. - Sân chơi nhà đa năng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 992 | -992 | | | Xây dựng Trường THCS Lê Hồng Phong (Hạng mục: Nhà kho, hệ thống thiết bị PCCC, sân đa chức năng) | 2025 | 2.480 | 1.736 | 744 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 nhà kho. - Sân chơi nhà đa năng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| 14 | Nhà Nhì Ich | | 16.816 | 5.045 | 11.771 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Trường học | | 16.816 | 5.045 | 11.771 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Ich (Hạng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 5.814 | 1.744 | 4.070 | Đầu tư mới | - Xây dựng 02 phòng học. - Cầu tạm, sân chơi 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 phòng nhân viên, 01 nhà vệ sinh giáo viên, công trường. - Trang bị hệ thống PCCC. | 2.326 | -2.326 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Ich (Hạng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 5.814 | 4.070 | 1.744 | Đầu tư mới | - Xây dựng 02 phòng học. - Cầu tạm, sân chơi 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 phòng nhân viên, 01 nhà vệ sinh giáo viên, công trường. - Trang bị hệ thống PCCC. | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Ich (Hạng mục: Phòng Tin học, phòng Đăng-Điểm thi, sân chơi phòng học các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 7.341 | 2.302 | 5.139 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 phòng Tin học, 1 phòng Đăng-Điểm thi. - Cầu tạm, sân chơi 02 phòng học. - Xây dựng các CTFP công trường, sân, 1 nhà vệ sinh giáo viên, 01 nhà vệ sinh học sinh, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà kho. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 2.936 | -2.936 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Ich (Hạng mục: Phòng Tin học, phòng Đăng-Điểm thi, sân chơi phòng học các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 7.341 | 5.139 | 2.302 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 phòng Tin học, 1 phòng Đăng-Điểm thi. - Cầu tạm, sân chơi 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: trường, sân, 1 nhà vệ sinh giáo viên, 01 nhà vệ sinh học sinh, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 nhà kho. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| | Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu (Hạng mục: Phòng học hi môn, các công trình phụ trợ, sân chơi phòng học) | 2025 | 3.661 | 1.098 | 2.563 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 phòng học hi môn. - Xây dựng các CTFP: 01 nhà kho, 01 phòng kho vệ. - Sân chơi khối 14 phòng học đa chức năng. | 1.464 | -1.464 | | | Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu (Hạng mục: Phòng học hi môn, các công trình phụ trợ, sân chơi phòng học) | 2025 | 3.661 | 2.563 | 1.098 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 phòng học hi môn. - Xây dựng các CTFP: 01 nhà kho, 01 phòng kho vệ. - Sân chơi khối 14 phòng học đa chức năng. | | |
| 15 | Nhà Nhì Xuân | | 8.984 | 2.695 | 6.289 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Trường học | | 8.984 | 2.695 | 6.289 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Xuân (Hạng mục: Công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.060 | 618 | 1.442 | Đầu tư mới | - Xây dựng các CTFP: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 824 | -824 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Xuân (Hạng mục: Công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.060 | 1.442 | 618 | Đầu tư mới | - Xây dựng các CTFP: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học số 1 Ninh Xuân (Hạng mục: Phòng Tin học, phòng Truyền hình, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 3.336 | 1.001 | 2.335 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Truyền hình. - Xây dựng công trình phụ trợ: Trường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 1.334 | -1.334 | | | Xây dựng Trường Tiểu học số 1 Ninh Xuân (Hạng mục: Phòng Tin học, phòng Truyền hình, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 3.336 | 2.335 | 1.001 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Truyền hình. - Xây dựng công trình phụ trợ: Trường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học số 2 Ninh Xuân (Hạng mục: Hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 1.500 | 450 | 1.050 | Đầu tư mới | - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 600 | -600 | | | Xây dựng Trường Tiểu học số 2 Ninh Xuân (Hạng mục: Hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 1.500 | 1.050 | 450 | Đầu tư mới | - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| | Xây dựng Trường THCS Lê Thường Kiệt (Hạng mục: Phòng học hi môn, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.088 | 626 | 1.462 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 phòng học hi môn. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | 835 | -835 | | | Xây dựng Trường THCS Lê Thường Kiệt (Hạng mục: Phòng học hi môn, hệ thống thiết bị PCCC) | 2025 | 2.088 | 1.462 | 626 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 phòng học hi môn. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. | | |
| 16 | Nhà Nhì Sơn | | 8.293 | 2.409 | 5.885 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Trường học | | 8.293 | 2.409 | 5.885 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn (Hạng mục: Phòng học) | 2025 | 4.301 | 1.290 | 3.011 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 phòng học. | 1.720 | -1.720 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn (Hạng mục: Phòng học) | 2025 | 4.301 | 3.011 | 1.290 | Đầu tư mới | - Xây dựng 01 phòng học. | | |

| STT | Tên công trình | Năm thực hiện | TMDT | NS cấp tỉnh | Dự kiến số người của học sinh dân tộc | Hình thức đầu tư | Quy mô đầu tư | Tên công trình | Năm thực hiện | Điều chỉnh hàng năm | | Hình thức đầu tư | Quy mô đầu tư | Tên công trình | Năm thực hiện | TMDT | NS cấp tỉnh | NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác | Hình thức đầu tư | Quy mô đầu tư | Ghi chú |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|---------------|---------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------|---------------|------------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|--------------|--------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| | | | | | | | | | | TMDT | NS cấp tỉnh | | | | | | | | | | |
| | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn (thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo Ninh Sơn) | 2025 | 1.372 | 412 | 960 | Đầu tư mới | Xây dựng 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị | | | 549 | -549 | | | Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn (thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo Ninh Sơn) | 2025 | 1.372 | 960 | 412 | Đầu tư mới | Xây dựng 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị | |
| | Xây dựng Trường THCS Tô Hiến Thành (thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo Ninh Sơn) | 2025 | 2.620 | 786 | 1.834 | Đầu tư mới | Sửa chữa các phòng chức năng, phòng thiết bị - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC | | | 1.048 | -1.048 | | | Xây dựng Trường THCS Tô Hiến Thành (thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo Ninh Sơn) | 2025 | 2.620 | 1.834 | 786 | Đầu tư mới | Sửa chữa các phòng chức năng, phòng thiết bị - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC | |
| III HUYỆN CAM LÂM | | | | 23.950 | 7.185 | 16.765 | | | | 9.580 | -9.580 | | | | 23.950 | 16.765 | 7.185 | | | | |
| 1 | Nhà Suối Cát | | 3.300 | 990 | 2.310 | | | | | 1.338 | -1.338 | | | | 3.300 | 2.310 | 990 | | | | |
| a | Trường học | | 3.260 | 950 | 2.310 | | | | | 1.320 | -1.320 | | | | 3.200 | 2.310 | 950 | | | | |
| | Xây mới nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học trường tiểu học Suối Cát | 2024-2025 | 2.000 | 600 | 1.400 | Sửa chữa, mua sắm | Xây mới 14 bộ vệ sinh, 8 nước rửa chén phòng học, trang bị thiết bị dạy học trường tiểu học Suối Cát | Sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học Trường Tiểu học Suối Cát | | 800 | -800 | | | Sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học Trường Tiểu học Suối Cát | 2024-2025 | 2.000 | 1.400 | 600 | Sửa chữa, mua sắm | Sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học Trường Tiểu học Suối Cát | |
| | Xây 01 phòng học ngoại ngữ tại trường Khánh Hòa Jeda | 2024-2025 | 1.300 | 390 | 910 | Xây mới | Xây 01 phòng học ngoại ngữ | Xây 01 phòng học ngoại ngữ tại trường Khánh Hòa Jeda | | 520 | -520 | | | Xây 01 phòng học ngoại ngữ tại trường Khánh Hòa Jeda | 2024-2025 | 1.300 | 910 | 390 | Xây mới | Xây 01 phòng học ngoại ngữ | |
| 2 | Nhà Cam Tân | | 6.500 | 1.950 | 4.550 | | | | | 2.608 | -2.608 | | | | 6.500 | 4.550 | 1.950 | | | | |
| a | Trường học | | 6.500 | 1.950 | 4.550 | | | | | 2.600 | -2.600 | | | | 6.500 | 4.550 | 1.950 | | | | |
| | Trường Tiểu học Cam Tân | 2024-2025 | 6.500 | 1.950 | 4.550 | Xây mới, nâng cấp | Xây mới 04 phòng bộ môn, trường cao 3 mét bên, nâng cấp nhà vệ sinh học sinh | Trường Tiểu học Cam Tân | | 2.600 | -2.600 | | | Trường Tiểu học Cam Tân | 2024-2025 | 6.500 | 4.550 | 1.950 | Xây mới, nâng cấp | Xây mới 04 phòng bộ môn, trường cao 3 mét bên, nâng cấp nhà vệ sinh học sinh | |
| 3 | Nhà Cam Hiệp Nam | | 4.800 | 1.200 | 3.600 | | | | | 1.600 | -1.600 | | | | 4.800 | 3.600 | 1.200 | | | | |
| a | Trường học | | 4.800 | 1.200 | 3.600 | | | | | 1.600 | -1.600 | | | | 4.800 | 3.600 | 1.200 | | | | |
| | Trường mầm non Thái Ngọc | 2024-2025 | 1.000 | 300 | 700 | Xây mới | Tường rào 3 mét bên | Trường mầm non Thái Ngọc | | 400 | -400 | | | Trường mầm non Thái Ngọc | 2024-2025 | 1.000 | 700 | 300 | Xây mới | Tường rào 3 mét bên | |
| | Trường tiểu học Cam Hiệp Nam | 2024-2025 | 3.800 | 900 | 2.900 | Xây mới | Xây mới nhà đa năng | Trường tiểu học Cam Hiệp Nam | | 1.200 | -1.200 | | | Trường tiểu học Cam Hiệp Nam | 2024-2025 | 3.800 | 2.900 | 900 | Xây mới | Xây mới nhà đa năng | |
| 4 | Nhà Cam Hòa | | 10.150 | 3.045 | 7.105 | | | | | 4.060 | -4.060 | | | | 10.150 | 7.105 | 3.045 | | | | |
| a | Trường học | | 10.150 | 3.045 | 7.105 | | | | | 4.060 | -4.060 | | | | 10.150 | 7.105 | 3.045 | | | | |
| | Trường TH Cam Hòa 1 | 2024-2025 | 10.150 | 3.045 | 7.105 | Xây mới, cải tạo | Xây dựng công trường rào, nhà vệ sinh (điểm chính), xây mới 04 phòng học bộ môn, khối phòng phụ trợ, cải tạo 02 khối phòng học, xây bổ sung nhà vệ sinh học sinh | Trường tiểu học Cam Hòa 1 | | 4.060 | -4.060 | | | Trường tiểu học Cam Hòa 1 | 2024-2025 | 10.150 | 7.105 | 3.045 | Xây mới, cải tạo | Xây dựng công trường rào, nhà vệ sinh (điểm chính), xây mới 04 phòng học bộ môn, khối phòng phụ trợ, cải tạo 02 khối phòng học, xây bổ sung nhà vệ sinh học sinh | |
| IV HUYỆN KHÁNH SƠN | | | | 3.500 | 3.500 | | | | | 2.500 | -2.500 | | | | 3.500 | 3.500 | | | | | |
| 1 | Nhà Bà Cẩm Nam | | 3.500 | 3.500 | | | | | | 2.500 | -2.500 | | | | 3.500 | 3.500 | | | | | |
| a | Trường học | | 3.500 | 3.500 | | | | | | 2.500 | -2.500 | | | | 3.500 | 3.500 | | | | | |
| | Trường Tiểu học Hòa Phương xã Bà Cẩm Nam | 2024 | 3.500 | 3.500 | | Xây dựng mới | Xây dựng thêm phòng giáo dục nghệ thuật - phòng giáo dục thể chất, phòng hành chính, nhà đa năng, thư viện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy và thiết bị | Công trình trường Tiểu học Hòa Phương xã Bà Cẩm Nam | 2025 | 2500 | 2500 | | | Xây dựng thêm phòng giáo dục nghệ thuật - phòng giáo dục thể chất, phòng hành chính, nhà đa năng, thư viện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy và thiết bị | 2025 | 6.000 | 6.000 | | Xây dựng mới | Xây dựng thêm phòng giáo dục nghệ thuật - phòng giáo dục thể chất, phòng hành chính, nhà đa năng, thư viện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy và thiết bị | |



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư các cấp ngân sách; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-BĐT ngày tháng năm 2024 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số/UBND-KT ngày tháng năm 2024 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 với những nội dung cụ thể như sau:

- Điều chỉnh Hạng mục “*Trường học*” tại tiểu mục 2 mục III phần A Điều 1 Nghị quyết số 30/NQ-HĐND như sau: Tỷ lệ vốn ngân sách cấp tỉnh là 70%; ngân sách cấp huyện là 30% (riêng hạng mục Trường học tại huyện Khánh Vĩnh, Khánh Sơn giữ nguyên mức hỗ trợ là 100% vốn ngân sách cấp tỉnh).

- Bổ sung tiểu mục “*Công trình trường học do cấp tỉnh quản lý*” tại mục II phần B Điều 1 Nghị quyết số 30/NQ-HĐND: Tỷ lệ vốn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ là 100%.

Điều 2. Các nội dung điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết này chỉ áp dụng cho các dự án khởi công mới năm 2024, 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện có phát sinh không phù hợp, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm về kết quả thực hiện Chương trình.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày tháng năm 2024; các nội dung khác tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh vẫn còn hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- ĐUK các cơ quan, ĐUK doanh nghiệp;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, Tm.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Mạnh Dũng